

ĐẶC ĐIỂM CHỮ HÁN ĐA ÂM VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN DỊCH THUẬT: TRƯỜNG HỢP CHỮ “单”

VŨ THỊ HUỆ¹

Abstract: Polyphonic Chinese characters are a distinctive phenomenon in the Chinese language. They are not only a unique linguistic feature of Chinese, but also have a certain impact on the learning and communication of native speakers, while posing a significant linguistic barrier for foreigners learning Chinese. Many learners are unable to distinguish the different pronunciations and meanings of polyphonic characters, which often leads to misreading, misunderstanding, and mistranslation. This paper focuses on the character “单”, a typical polyphonic Chinese character with three Sino-Vietnamese readings, and analyzes common translation errors into Vietnamese, especially in proper nouns such as surnames. Based on fundamental theories of polyphonic Chinese characters, the paper explores their origins, classifications, and characteristics, as well as the common errors made during translation. It then proposes several strategies to help learners minimize basic translation mistakes when dealing with polyphonic Chinese characters.

Key words: Polyphonic Chinese characters, teaching, translation, character “单”

1. Đặt vấn đề

Từ vựng luôn được xem là một trong những bộ phận quan trọng trong ngôn ngữ, cũng là trọng tâm trong dạy học tiếng Hán. Trong hệ thống chữ Hán của tiếng Trung Quốc tồn tại hiện tượng một chữ Hán có từ hai âm đọc khác nhau trở lên, hình thành nên chữ đa âm, trở thành rào cản trong việc học tiếng Hán và cũng là thách thức lớn trong dịch thuật ngôn ngữ này. Sự tồn tại của chữ đa âm không chỉ phản ánh sự phức tạp của hệ thống chữ viết tiếng Trung Quốc mà còn đặt ra những vấn đề về ngữ nghĩa, văn hoá và kỹ thuật khi chuyển ngữ sang các ngôn ngữ khác. Nghiên cứu này phân tích nguồn gốc, phân loại, và tác động của chữ Hán đa âm đến quá trình dịch thuật, đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm giảm thiểu sai sót và nâng cao độ chính xác trong dịch thuật liên quan đến chữ Hán đa âm.

2. Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý luận

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Về chữ Hán đa âm, ở Trung Quốc đã có nhiều công trình nghiên cứu, có thể kể đến như: Lưu Xuân Lê [15] “Nghiên cứu chữ đa âm trong tiếng Hán”; Vương Trân [19] “Giới thiệu sơ lược nguyên nhân hình thành chữ đa âm trong tiếng Hán”; Trương Lệ Hà [20] “Loại hình và quy phạm của chữ đa âm đa nghĩa”; Lư Ác [18] “Phân loại và nhận biết kết cấu ngữ âm chữ đa âm trong các chữ thường dùng của tiếng Hán hiện đại). Các bài viết trên đều tập trung vào phân tích nguyên nhân hình thành chữ đa âm, phân loại và kết cấu chữ đa âm.

Ở Việt Nam, một số công trình tiêu biểu có thể kể đến như: Gia Linh [3] trong nghiên cứu “500 chữ đa âm tiếng Hoa thường gặp” đã tổng hợp 500 chữ đa âm điển hình và có tần số xuất hiện cao trong quá trình học tập và cuộc sống. Cẩm Tú Tài [5] đã sử dụng phương pháp thống kê, miêu tả phân tích và so sánh đối chiếu khảo sát về hiện tượng đồng hình dị nghĩa xuất hiện trong một số giáo trình tiếng Hán đang sử dụng tại Việt Nam, đồng thời cũng tiến hành điều tra trường hợp việc dạy học hiện tượng ngôn ngữ này trong thực tiễn, qua đó bàn luận tới những vấn đề liên quan cần lưu ý trong dạy học.

¹ Trường Đại học Thương mại; Email: misshue1887@gmail.com

Có thể thấy rằng, các nghiên cứu trong và ngoài nước đều chỉ tập trung vào phân tích cách thức phân loại về đặc điểm ngôn ngữ của chữ Hán đa âm, tình hình học tập chữ Hán đa âm và giải pháp nâng cao hiệu quả. Nghiên cứu những ảnh hưởng của chữ Hán đa âm đối với quá trình dịch thuật Hán - Việt còn rất hạn chế. Vì vậy chúng tôi muốn thông qua nghiên cứu “Đặc điểm chữ Hán đa âm và một số vấn đề liên quan đến dịch thuật: Trường hợp chữ 单” để làm rõ hơn những ảnh hưởng của chữ Hán đa âm lên các khía cạnh khác nhau, giúp người học có thể tránh được những lỗi sai khi dịch chữ Hán đa âm.

2.2. Cơ sở lý thuyết

2.2.1. Khái niệm chữ Hán đa âm

Hoàng Bá Vinh (黄伯荣) và Liêu Tự Đông (廖序东) [14, tr.130-132] đã đưa ra khái niệm chữ Hán đa âm là những chữ Hán có từ hai cách đọc trở lên, mỗi cách đọc thường ứng với một nghĩa khác nhau”. Ví dụ: Chữ 行 trong tiếng Trung có thể đọc là “*xíng*” (hành động, thực hiện, đi) hoặc “*háng*” (hàng, ngành nghề); Chữ 乐 có thể đọc là “*yuè*” (âm nhạc) hoặc “*lè*” (vui vẻ, thích thú).

Theo Luru Xuân Lệ (刘春丽) [15], chữ đa âm là hiện tượng một chữ Hán có hai hoặc nhiều cách đọc khác nhau và những cách đọc này thường gắn liền với những nghĩa hoặc chức năng ngữ pháp khác nhau trong ngữ cảnh cụ thể. Sự tồn tại của chữ đa âm phản ánh quá trình phát triển lịch sử của tiếng Hán, sự giao thoa giữa các phương ngôn, cũng như nhu cầu biểu đạt nghĩa phong phú trong giao tiếp.

Như vậy, chữ Hán đa âm không chỉ đơn thuần là hiện tượng ngữ âm mà còn gắn liền với ngữ nghĩa và ngữ pháp, tạo nên một đặc trưng riêng biệt của hệ thống chữ Hán. Việc nắm vững quy luật của chữ đa âm có ý nghĩa quan trọng đối với việc học tiếng Trung nói chung và dịch thuật Hán - Việt nói riêng.

2.2.2. Khái niệm dịch thuật

Có khá nhiều định nghĩa khác nhau về dịch thuật. Nida và Taber [9, tr.12] cho rằng: “dịch thuật là tái tạo lại trong ngôn ngữ tiếp nhận sự tương đương tự nhiên và gần sát nhất với thông điệp của ngôn ngữ nguồn, trước hết là về nghĩa và sau đó là về phong cách”. Meetham và Hudson [9, tr.242] thì cho rằng “dịch là quá trình hay kết quả của việc chuyển thông báo từ một ngôn ngữ này sang một ngôn ngữ khác... Mục đích là tái tạo lại tới mức chính xác nhất có thể được tất cả những đặc trưng ngữ pháp và từ vựng của nguyên bản trong ngôn ngữ nguồn bằng cách tìm sự tương đương trong ngôn ngữ dịch”.

Từ các quan điểm trên, có thể thấy dịch thuật là hoạt động chuyển ngữ phức tạp, không chỉ đơn thuần chuyển đổi từ ngữ mà còn phải đảm bảo tái hiện chính xác nghĩa, phong cách và sắc thái văn hoá của văn bản gốc. Trong bối cảnh nghiên cứu chữ Hán đa âm, dịch thuật càng đòi hỏi người dịch phải hiểu sâu về ngữ cảnh, nắm vững quy luật phát âm và nghĩa của từng chữ trong từng hoàn cảnh cụ thể. Đặc biệt với chữ đa âm, việc lựa chọn âm đọc và cách dịch chính xác phụ thuộc vào khả năng phân tích ngữ cảnh, hiểu biết về văn hoá và lịch sử ngôn ngữ của người dịch.

3. Đặc điểm chữ Hán đa âm và một số vấn đề liên quan

3.1. Nguồn gốc hình thành và phát triển chữ Hán đa âm

Nguồn gốc của chữ Hán đa âm tương đối phức tạp, nó được hình thành trong quá trình diễn biến và phát triển lâu dài của chữ Hán qua hàng nghìn năm lịch sử. Dưới đây chúng tôi đề cập một số nguyên nhân chính hình thành và phát triển chữ Hán đa âm:

Thứ nhất, do “tứ thanh biệt nghĩa” (dùng 4 thanh điệu để phân biệt nghĩa) trong thời cổ đại đã tạo nên một số chữ đa âm. Thời cổ đại, do nhu cầu ghi chép lại những từ mới, người xưa không tạo ra chữ mới, mà thay đổi âm đọc trên cơ sở những chữ đã có để biểu đạt ý nghĩa khác. Người xưa sử dụng phương pháp này chủ yếu nhằm phân biệt ý nghĩa khác nhau của chữ, như chữ “朝” khi biểu thị ý nghĩa “buổi sáng, ban mai” thì đọc là “*zhāo*” (Hán việt là “triều”), nhưng khi biểu thị ý nghĩa là “triều đại, triều đình” thì đọc là “*cháo*” (Hán việt là “triều”).

Thứ hai, do mượn chữ Hán cổ đại thường dùng tạo nên chữ đa âm. Người xưa khi viết văn, do đôi lúc chưa ghi chép lại chữ đó, liền mượn chữ có âm giống hoặc gần giống thay thế, lâu dần tạo thành nghĩa mới. Ví dụ chữ “见” thông thường đọc là “jiàn”, nhưng trong thành ngữ “图穷匕首见” (*tú qióng bǐ shǒu jiàn*) hoặc “其义自见” (*qí yì zì jiàn*) nghĩa (*cháy nhà mới ra mặt chuột*), lại có nghĩa là “hiện ra”, đọc thành “xiàn”.

Thứ ba, chữ đa âm được hình thành do sự thay đổi âm giữa thời cổ đại và hiện đại. Trong lịch sử phát triển của tiếng Trung, sự biến đổi và phát triển về ngữ âm diễn ra tương đối nhanh. Thời cổ đại có hệ thống ngữ âm riêng và thời trung cổ cũng có hệ thống ngữ âm riêng. Cách phát âm của cùng một chữ có thể thay đổi ở những thời kì khác nhau. Ban đầu, mỗi chữ có cách phát âm thống nhất. Sau này, do tốc độ phát triển và biến đổi khác nhau ở những nơi khác nhau, một số chữ vẫn giữ nguyên cách phát âm cổ, trong khi một số chữ khác được phát âm theo cách phát âm hiện đại sau quá trình phát triển và biến đổi. Điều này được phản ánh trong cách phát âm chữ Hán của một số danh từ riêng chỉ họ và danh từ chỉ địa danh, tạo nên chữ đa âm. Ví dụ, cách phát âm hiện đại của chữ “番” thường là “fān”, nhưng trong tên địa danh “番禺”, nó được phát âm là “pān”, vẫn giữ nguyên cách phát âm cổ.

Thứ tư, do sự tồn tại đồng thời của cách đọc tiếng phổ thông và cách đọc trong tiếng địa phương. Để mở rộng, làm phong phú thêm tiếng phổ thông, nó đã “tiếp thu” một số từ vựng tiếng địa phương. Để bảo tồn sắc thái địa phương trong từ vựng đó, nên đã mô phỏng cách đọc địa phương, như chữ Hán “赚” có hai cách đọc là “zhuàn”和 “zuàn”. Ý nghĩa từ赚 (*zhuàn*) là “mua bán, lợi ích trong mua bán, chiếm lợi thế”; Còn từ赚 (*zuàn*) nghĩa là “lừa người”, là từ địa phương trong tiếng Hán.

Thứ năm, do văn phong khác nhau. Văn phong sử dụng bao gồm văn nói và văn viết. Văn nói là lời ăn tiếng nói hàng ngày, dễ hiểu, gần gũi với đời sống hàng ngày, được sử dụng tùy theo ngữ cảnh, đối tượng và trạng thái tâm lí, cảm xúc của người nói. Văn viết thường mang tính chất hành chính hoặc báo chí, nên thường đảm bảo tính khúc chiết, trong sáng, mạch lạc, câu từ cân gẩy gọn, đầy đủ ý nghĩa. Trong tiếng Hán, chữ đa âm trong văn phong nói và viết khác nhau, ý nghĩa chữ tương đồng, nhưng được dùng trong văn phong khác nhau, nên sẽ có cách đọc khác nhau. Sự khác biệt trong cách đọc được thể hiện ở vận mẫu. Ví dụ: chữ薄 trong văn viết và từ phức đọc là “bó”, trong khẩu ngữ và từ đơn âm tiết thì đọc là “báo”; chữ “削” trong văn viết đọc là “xuē”, trong văn nói đọc là “xiāo”.

Thứ sáu, do quá trình giản hoá chữ Hán hình thành nên chữ đa âm. Để thuận tiện cho việc học tập và sử dụng, Trung Quốc đã giảm số lượng chữ Hán và các nét chữ Hán, chuyển từ chữ phồn thể sang giản thể. Trong quá trình giản hoá đã dùng phương pháp đồng âm hoặc cận âm thay thế, sử dụng cùng một chữ giản thể để thay thế cho hai chữ phồn thể đó. Do vậy, chữ giản thể này lại đồng thời mang hai âm đọc như hai chữ phồn thể trước đó. Ví dụ: chữ 纤 đọc là “xiān”, chữ 纤 đọc là “qiàn”, sau khi giản hoá đều viết thành chữ 纤, nên chữ 纤 vừa có âm đọc là “xiān” vừa có âm đọc là “qiàn”.

Chữ Hán dùng một chữ với nhiều cách đọc khác nhau và ý nghĩa khác nhau. Mặc dù nó có thể giảm được số lượng chữ Hán, nhưng nó lại mang đến nhiều rào cản trong giao tiếp và học tập, dẫn đến hiện tượng đọc sai trong các chữ Hán đa âm.

3.2. Phân loại chữ Hán đa âm

Theo thống kê từ nghiên cứu của Lu Ác [18, tr.120 -1 24], trong 2.500 chữ Hán thông dụng, có 359 chữ đa âm và con số này tăng lên 507 chữ khi xét đến 3.500 chữ. Điều này cho thấy mật độ cao của hiện tượng đa âm trong tiếng Trung hiện đại, đòi hỏi người dịch phải nắm vững cả ngữ âm lẫn ngữ nghĩa để tránh sai sót.

Hoàng Bá Vinh và Liêu Tự Đông [15, tr.130-132] phân chia chữ đa âm tiếng Hán thành hai loại: đa âm đa nghĩa và đa âm đồng nghĩa.

Theo *Từ điển Hán ngữ hiện đại* [12], chữ Hán đa âm về mặt ý nghĩa có thể chia thành 3 loại: Chữ đa âm có ý nghĩa hoàn toàn tương đồng như: “剥” có hai âm đọc là “bāo” và “bō”. Hai cách đọc này đều có nghĩa là “loại bỏ vỏ hoặc bì bên ngoài”; Chữ đa âm có một bộ phận nghĩa tương đồng, như: từ “嚼” khi đọc âm “jué” hoặc “jiào” đều biểu thị hàm răng trên và hàm răng dưới nhai và nghiền nát thức ăn, nhưng khi đọc âm “jiào” thì lại có nghĩa là “nghĩ lại, xem xét lại”; Chữ đa âm có những nghĩa hoàn toàn khác biệt, như chữ “长” đọc là “cháng” (dài) hoặc “zhǎng” (trưởng thành, lãnh đạo). Số lượng chữ đa âm khác nghĩa này xuất hiện trong tiếng Trung tương đối nhiều, hiện tượng này được nhiều học giả gọi là “đồng hình dị nghĩa”.

Theo tác giả Lưu Xuân Lê [17] thì dựa vào quan hệ của thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu chia chữ Hán đa âm thành 7 loại sau:

Thứ nhất, thanh điệu khác nhau nhưng thanh mẫu và vận mẫu giống nhau, ví dụ: 几: jǐ(máy/vài), jī (Bàn/gần, chùng); 分: fēn (phân, chia/phân biệt/phần/xu), fèn(phần/dự đoán); 眯: mī (mắt hip, lim dim), mí (bị dấm mắt), mǐ (cơm mắt, bụi vào);

Thứ hai, thanh mẫu khác nhau nhưng vận mẫu và thanh điệu giống nhau, ví dụ: 鸟: niǎo (chim), diǎo (cặc); 似: sì (giống nhau, tương tự/hình như/vượt, hơn), shì (như là, giống như); 扳: bān (uốn, bẻ, vặn/gỡ lại), pān (leo trèo/kéo/làm thân/nghĩ cách để tiếp xúc);

Thứ ba, vận mẫu khác nhau nhưng thanh mẫu và thanh điệu giống nhau, ví dụ: 大: dà (to, lớn/mức độ lớn nhỏ, nông sâu, cao thấp.../ cả, trưởng/ người lớn tuổi/ họ Đại), dài (to, lớn); 爪: zhǎo (móng/vuốt), zhuǎ (chân của động vật); 还: huán(trở lại/trả/chống trả/họ Hoàn), hái (vẫn/còn/cũng được/thể mà/ngay từ);

Thứ tư, thanh mẫu và thanh điệu khác nhau nhưng vận mẫu giống nhau, ví dụ: 红: hóng (đỏ, hồng/ thuận lợi, thành công/lãi, hoa hồng), gōng (nữ công); 降: jiàng (hạ xuống/giáng, hạ/họ Giáng), xiáng (đầu hàng/hàng phục); 重: zhòng (trọng lượng/nặng/quan trọng/coi trọng/thận trọng), chóng (lấp/lai/lớp, trùng/xếp chồng);

Thứ năm, vận mẫu và thanh điệu khác nhau nhưng thanh mẫu giống nhau, ví dụ: 卜: bǔ (bói/đoán trước/chọn lựa/họ Bốc), bo (củ cải); 地: dì (đất/nền/vùng, miền/khu/địa phương/nơi/địa điểm/vị trí/bước đường/đường/lộ), de (trợ từ nối trạng ngữ với động từ); 读: dú (đọc/học), dòu (dùng để ngừng ngắt câu cục ngắn - dấu phẩy);

Thứ sáu, thanh mẫu và vận mẫu khác nhau, thanh điệu giống nhau, ví dụ: 丁: dīng (người đàn ông đã trưởng thành/nhân khẩu/thợ/họ Đinh), zhēng (chan chát, tình tang, lách cách - từ mô phỏng tiếng chặt cây, gậy đàn, chơi cờ); 车: chē (xe/guồng/máy/tiền/chở/quay/họ Xa), jū (quân xe trong cờ tướng); 卡: qiǎ (kẹt, hóc/ngăn chặn, giữ lại/bóp chặt/cái kẹp/trạm kiểm soát), kǎ (calo/piếu, tờ phích cửa bang/xe tải);

Thứ bảy, thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu đều thay đổi, ví dụ: 戏: xì (trò chơi/nói đùa/hí kịch, hát), hū (hời ơi, than ơi/chết); 啾: jiū (tiếng chim kêu: chiêm chiếp, chirp chirp), yuē (ộc, ọc/nôn, mửa); 宿: sù (ở, trọ/họ Túc/săn có/lão luyện), xiù (lượng từ chỉ đêm), xiù (chùm sao).

Chúng tôi đồng quan điểm với cách phân chia chữ Hán đa âm thành 3 loại (chữ đa âm có ý nghĩa hoàn toàn tương đồng; chữ đa âm có một bộ phận nghĩa tương đồng; chữ đa âm có những nghĩa hoàn toàn khác biệt) theo cách phân loại trong *Từ điển Hán ngữ hiện đại*.

3.3. Đặc điểm của chữ Hán đa âm

Chữ Hán đa âm trong tiếng Hán hiện đại chiếm số lượng tương đối nhiều, có một số đặc điểm chung sau:

Một là, một chữ có nhiều âm đọc khác nhau: Một chữ Hán có thể có từ 2, 3, thậm chí nhiều âm đọc khác nhau. Mỗi âm thông thường tương ứng với một nghĩa hoặc cách dùng khác nhau. Ví dụ: Từ “重” đọc là “zhòng - nặng, quan trọng”, đọc là “chóng - lặp lại”

Hai là, âm thay đổi tùy vào ngữ cảnh: Cách phát âm của chữ sẽ phụ thuộc vào từ/cụm từ mà nó xuất hiện. Vì thế, không thể phát âm đúng nếu không hiểu nghĩa trong ngữ cảnh cụ thể. Ví dụ:

他是个快乐的人。(Anh ấy là người vui vẻ/hạnh phúc - 乐 lè: vui vẻ, hạnh phúc)

我喜欢听音乐。(Tôi thích nghe nhạc - 乐 yuè: âm nhạc)

Ba là thay đổi từ loại hoặc chức năng ngữ pháp: Có những chữ thay đổi âm đọc khi chuyển từ danh từ sang động từ, hoặc từ động từ sang tính từ (tương ứng tiếng Hán là hình dung từ)... Ví dụ: 长 khi là tính từ thì đọc là “cháng” (dài), khi là động từ thì đọc là “zhǎng” (trưởng thành, lớn), khi là danh từ thì đọc là “zhǎng” (lãnh đạo).

3.4. Ảnh hưởng của chữ Hán đa âm trong quá trình dịch thuật Hán - Việt: Trường hợp chữ “单”

Theo nghiên cứu của Lưu Vân Hán (刘云汉) [17], trong quá trình dịch thuật tiếng Hán sang các ngôn ngữ khác, chữ đa âm là một trong những nguồn gây ra lỗi dịch phổ biến. Việc xác định sai âm đọc của chữ đa âm có thể dẫn đến hiểu sai nghĩa và dịch sai toàn bộ câu văn. Trong bài viết này, chúng tôi lấy chữ “单” làm ví dụ điển hình để phân tích lỗi dịch sai khi sử dụng chữ đa âm trong tiếng Hán.

3.4.1. Các cách đọc phiên âm của chữ “单”

Trong cuốn *Đại tự điển tiếng Hán* (bản thứ 2) của ban biên tập từ điển tiếng Hán (Trung Quốc), chúng tôi thấy chữ “单” có 8 cách đọc khác nhau. Trong đó, có ba cách đọc thông dụng là “dān, chán, shàn” và cả ba cách đọc này vẫn được lưu giữ cho đến nay. Cụ thể:

- Chữ “单” đọc thành “dān”, biểu thị sự đơn nhất, độc lập.

- Chữ “单” dùng để chỉ vua nước Hung-nô, ở thời kì cổ đại sẽ được đọc thành “chán”, đó là từ dịch âm.

- Chữ “单” dùng để chỉ gọi danh từ riêng chỉ họ hoặc tên địa danh thì sẽ được đọc thành “shàn”.

Nó có nguồn gốc từ tên riêng của địa danh “单一”.

Vì chữ “单” có nhiều cách đọc khác nhau, nên khi nó tham gia vào cấu tạo từ với vai trò là thành tố biểu âm, thì những từ có thành tố “单” cũng có nhiều cách đọc khác nhau. Ví dụ:

- Đọc là “dān”, ví dụ: 单 (dān: đàn), 殚 (dān: đàn/đạn), 瘡 (dān: đàn/đán);

- Đọc là “chán”, ví dụ: 蟬 (chán: thiên/thuyền), 嬋 (chán: thiên/ thuyền);

- Đọc là “chán” và “shàn”, ví dụ: 禅 (chán: thiên; shàn: thiện).

3.4.2. Các âm Hán Việt của chữ “单”

Theo L.M. Stêphanô Huỳnh Trụ trong bài viết *Từ ngữ: Thiện - Thiên - Đan* đã phân tích rõ chữ “单” có 3 âm Hán Việt tương ứng là: *đan, thiện và thiên*.

Căn cứ vào cách *phiên thiết*² của âm vận học, của cuốn *Từ Hải* và cuốn *Từ Nguyên* của ban biên tập Thương Vụ ấn thư quán, thì chữ “单” có những cách đọc sang âm Hán Việt như sau:

- Phiên thiết của âm “dān” là “德安” (đức + an), kết hợp vào thành âm Hán Việt đọc là “đan”.

- Phiên thiết của âm “shàn” 善 (thiện) là “市连” (thị + liên), kết hợp vào đọc thành “thiến”, nhưng do đồng âm với từ “善” (thiện), nên trong âm Hán Việt đọc thành “thiện”.

- Phiên thiết của âm “chán” là “时延” (thời + diên), kết hợp vào thành âm Hán Việt đọc là “thiên”.

² *Phiên thiết*: là cách để xác định phát âm của một chữ. Đó là phải dùng hai chữ ghép lại, gọi là định âm (định vần) và định thanh (định dấu)

Tóm lại, chữ “单” có 3 âm Hán Việt khác nhau là: *đan*, *thiện* và *thiên*. Trong cuốn *Hán Việt từ điển* của Thiều Chửu chủ biên và *Từ điển Hán Việt* của Phan Văn Các chủ biên cũng có đủ ba âm “đan”, “thiên”, “thiện” này.

3.4.3. Những lỗi sai thường gặp trong quá trình đọc và dịch chữ “单”

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi phát hiện chữ “单” với vai trò dùng làm danh từ riêng chỉ họ, nó có các cách đọc và dịch khác nhau khi dịch sang tiếng Việt.

Ngày 22 tháng 8 năm 2012 tin đức Hồng y “單国玺” người Đài Loan mất, đã được truyền thông toàn thế giới đưa tin, dịch sang tiếng Anh trực tiếp thông qua phiên âm thành “Paul Shan Kuo-His”. Trong khi đó, trên một số trang website khi dịch sang tiếng Việt lại dịch chữ “单” thành nhiều cách khác nhau như “Đan, Thiện”. Từ đó có thể thấy rằng, những dịch giả này chưa hiểu đúng những từ “đồng hình dị nghĩa” của chữ Hán, đặc biệt là chữ “单” khi nó đóng vai trò là danh từ riêng chỉ họ. Ví dụ:

(1) Đức Hồng y Phaolô **Thiện Quốc Tỹ** qua đời. (<https://www.tgpsaigon.net>)

(2) Hồng y **Thiện Quốc Tỹ** sinh ngày 3 tháng 12 năm 1923 tại Puyang. (<https://vi.wikipedia.org/wiki/>)

Hoặc từ “单” dịch thành “Đan” như:

(3) Lá thư của ĐHY **Đan Quốc Tỹ** gửi các giám mục Trung Quốc. (<https://daminhvn.net>)

(4) Đức Hồng Y **Đan Quốc Tỹ**, cựu thừa sai Dòng Tên tại Việt Nam qua đời. (<https://vn.cddmmtanaheim.org/?p=3595>)

Theo chúng tôi, các trang mạng trên nên thống nhất dịch chữ “单” trong từ chỉ người “單国玺” là “Thiện” - Thiện Quốc Tỹ, vì đây là âm Hán Việt đúng và chính xác nhất biểu thị danh từ riêng chỉ họ của một người. Truyền thông hiện nay phát triển rất nhanh, có tầm ảnh hưởng lớn, những người phụ trách truyền thông cần có tinh thần trách nhiệm, hiểu rõ và sâu sắc ngôn ngữ, tránh viết sai, dịch sai.

3.5. Một số giải pháp khi đọc và dịch chữ Hán đa âm

Một là, sử dụng công cụ hỗ trợ: Sử dụng từ điển như từ điển tiếng Hán hiện đại, từ điển Hán-Việt, từ điển Trung Việt,... kiểm tra các cách đọc và nghĩa của chữ Hán. Trong quá trình đọc và dịch thuật tư liệu tiếng Hán, cần phải làm rõ những cách đọc khác nhau của chữ Hán trước, sau đó mới căn cứ vào ý nghĩa và cách dùng của từ đó trong hoàn cảnh cụ thể để lựa chọn cách đọc chính xác nhất. Ví dụ:

Tiếng Hán: 任老师叫他语法课。

Tiếng Hán: 他是一个有**任**的人。

Phiên âm: **Rén** lǎoshī jiào tā yǔ fǎ kè

Phiên âm: Tā shì yí gè yǒu **zérén** de rén.

Dịch nghĩa: Cô giáo **Nhiệm** dạy anh ấy môn ngữ pháp.

Dịch nghĩa: Anh ấy là một người có trách **nhiệm**.

Bên cạnh đó, chúng ta cũng có thể sử dụng các công cụ phần mềm như Pleco, Hanzicraft, từ điển trực tuyến hay như các công cụ dịch thuật hỗ trợ AI có tiềm năng lớn trong việc xử lý chữ đa âm. Bằng cách tích hợp cơ sở dữ liệu về ngữ cảnh và từ ghép, phần mềm có thể đề xuất các bản dịch chính xác hơn.

Ngoài ra, chúng ta cũng có thể nhờ sự hỗ trợ của người bản xứ để kiểm chứng lại âm đọc đã chọn, hiểu rõ tầng nghĩa trong từng ngữ cảnh, tránh lỗi dịch máy hoặc dịch theo “cảm tính”. Từ đó đưa ra bản dịch chính xác nhất.

Hai là, phân tích ngữ cảnh: Nghĩa của chữ thường được xác định thông qua tổ hợp từ và ngữ cảnh. Ví dụ, chữ “打” (đả) trong tiếng Hán có thể mang nghĩa “đánh”, “gõ”, “gọi”, hoặc “mua” tùy vào cụm từ đi kèm như “他打我” (Anh ấy đánh tôi), “打电话” (gọi điện) hay “打酱油” (không liên quan, đứng ngoài cuộc),... Sự đa dạng này khiến việc dịch thuật đòi hỏi kiến thức sâu rộng về ngữ pháp tiếng Hán và khả năng phân tích ngữ cảnh.

Ba là, nắm vững kiến thức, lịch sử ngôn ngữ: Nhiều chữ Hán đa âm gắn liền với thành ngữ, điển tích hoặc văn bản cổ. Ví dụ chữ “朝” đọc là “cháo” (triều đại) hoặc “zhāo” (buổi sáng), nhưng trong

cụm “朝代” (triều đại), nếu dịch sai âm sẽ làm mất liên kết với bối cảnh lịch sử. Do đó, dịch giả cần am hiểu cả ngôn ngữ để đảm bảo bản dịch chính xác.

Bốn là, đào tạo chuyên sâu về chữ Hán đa âm: Trong học phần môn dịch, nên chú trọng đào tạo chuyên sâu kiến thức về chữ Hán đa âm và các cách dịch của nó. Trọng tâm nên đặt vào việc nhận diện ngữ cảnh, phân tích từ ghép, và ứng dụng kiến thức lịch sử. Đối với sinh viên năm cuối chuyên ngữ, có thể cho thực hành dịch các đoạn trích văn bản cổ điển để làm quen với cách sử dụng đa dạng của chữ đa âm trong các thời kì khác nhau của tiếng Hán.

4. Kết luận

Chữ Hán đa âm là một hiện tượng ngôn ngữ phức tạp, đặt ra nhiều thách thức cho dịch thuật cả về mặt lí thuyết lẫn thực hành. Nghiên cứu này đã phân tích nguồn gốc hình thành, phân loại và đặc điểm của chữ Hán đa âm, đồng thời tập trung vào trường hợp chữ “单” với ba âm Hán Việt (đơn, thiện, thiên) để minh họa cho những ảnh hưởng của hiện tượng này trong quá trình dịch thuật Hán - Việt. Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc xác định sai âm đọc của chữ đa âm, đặc biệt trong các danh từ riêng chỉ họ, có thể dẫn đến những lỗi dịch nghiêm trọng. Để dịch chính xác, người dịch cần hiểu rõ ngữ cảnh, nắm vững lịch sử ngôn ngữ, và sử dụng các công cụ hỗ trợ. Bằng cách xử lí tốt chữ Hán đa âm, người dịch không chỉ đảm bảo tính chính xác mà còn làm nổi bật sắc thái văn hoá và ý nghĩa sâu sắc của văn bản gốc. Nghiên cứu này cũng mở ra hướng tiếp cận mới trong việc giảng dạy và phát triển công cụ hỗ trợ dịch thuật chuyên sâu cho chữ Hán đa âm, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng dịch thuật Trung - Việt trong thời đại hội nhập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Phan Văn Các. *Từ điển Hán Việt*. NXB TP Hồ Chí Minh, tr. 170, 305, 1244. 2002.
2. Thiều Chửu. *Hán Việt từ điển*. NXB TP Hồ Chí Minh, tr. 95. 1993.
3. Gia Linh. *500 chữ đa âm tiếng Hoa thường gặp*. NXB Từ điển Bách khoa. 2007.
4. Đặng Thụy Liên & Nguyễn Phước Tâm. *Nghiên cứu việc dạy và học chữ Hán đa âm trong tiếng Trung Quốc hiện đại*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân, 62, 124-134. 2024.
5. Cẩm Tú Tài. *Bàn về hiện tượng đồng hình dị nghĩa trong dạy học tiếng Hán cho sinh viên chuyên ngữ Việt Nam*. Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài, 38(2), 111-122. 2022.
6. Huỳnh Trụ, L.M. *Tìm hiểu về chữ “đơn”*. Cánh đồng truyền giáo. 2012.
7. Nguyễn Thị Xuyên. *Giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học chữ đa âm trong tiếng Hán tại Trường Đại học Sao Đỏ*. Tạp chí Nghiên cứu Khoa học Trường Đại học Sao Đỏ, 4(71), 113-120. 2020.

Tiếng nước ngoài

8. Nida, E. A. & Taber, C. R. *The Theory and Practice of Translation*. Leiden: Brill. 1969.
9. Meetham, A. R. & Hudson, R. A. *Encyclopedia of Linguistics Information and Control*. Oxford: Pergamon. 1969.
10. 中国汉语大词典编辑委员会. 《汉语大词典》. 汉语大词典出版社. 2000.
11. 中国社会科学院语言研究所词典编辑室编. 《现代汉语词典》(第五版). 商务印书馆. 2005.
12. 编辑委员会编纂. 《辞海》. 上海辞书出版社. 2009.
13. 商务印书馆编辑部. 《辞源》(第1版). 商务印书馆. 2010.
14. 黄伯荣、廖序东. 《现代汉语》. 北京语言大学出版社, 130-132. 2012.
15. 李林徽. 多音字的现状及规律性识记方法. 《经济与社会发展》(7), 125-128. 2010.
16. 刘春丽. 《汉语多音字研究》. 黑龙江大学硕士学位论文. 2005.
17. 刘云汉. 常用多音字的读音考察. 《廊坊师范学院学报(社会科学版)》(5), 27-30. 2012.
18. 卢偲. 现代汉语常用字中多音字语音结构的分类与识别. 《江苏教育学院学报(社会科学)》(1), 120-124. 2011.
19. 王珍. 浅析汉语多音字的形成原因. 《长江丛刊·理论研究》. 2017.
20. 张莉霞. 多音多义字的类型与规范. 《今日南国》, 74-75. 2010.